

## ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – ĐỀ 4

## MÔN: TIẾNG ANH 5 FAMILY AND FRIENDS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

## LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

**I. Listen and choose the correct pictures.****Phương pháp giải:**

- Đọc các câu hỏi, gạch chân dưới những từ khoá.
- Quan sát nhanh các bức tranh, nắm được ý chính của từ bức ảnh.
- Nghe cẩn thận và chọn ra đáp án đúng.

**Bài nghe:****1. What is the cave next to?**

A: Look at that dark cave.

B: I can't see it. Is it next to the mountain?

A: No. It's next to the waterfall.

**2. What is on the island?**

A: What's on that island?

B: I think that's a waterfall.

A: No, it's not a waterfall. It's a jungle. Look at the trees.

**3. Where does the waterfall go?**

A: I like that waterfall.

B: Yes, it's very high. Where does it go?

A: Does it go into the river?

B: No, look, it goes into that small lake.

**4. What is higher than the trees?**

A: That's very high.

B: That building? No, it isn't. The trees are higher than the building.

A: No, I mean the mountain.

B: Oh, yes. The mountain is much taller than the trees!

**5. What picture is the boy looking at?**

A: I like this book. What is that in the picture? Is it an ocean?

B: No, it isn't. It's a very wide lake.

A: Oh, yes. I see.

**Tạm dịch:**

**1. Cái hang ở cạnh gì vậy?**

A: Nhìn cái hang tối đó kìa.

B: Tôi không thấy. Nó ở cạnh ngọn núi à?

A: Không. Nó ở cạnh thác nước.

**2. Trên hòn đảo có gì?**

A: Trên hòn đảo đó có gì vậy?

B: Tôi nghĩ đó là một thác nước.

A: Không, không phải thác nước đâu. Đó là một khu rừng. Nhìn mấy cái cây kìa.

**3. Thác nước chảy đi đâu?**

A: Tôi thích thác nước đó.

B: Ừ, nó cao thật đấy. Nó chảy đi đâu nhỉ?

A: Nó chảy vào sông à?

B: Không, nhìn kìa, nó chảy vào cái hồ nhỏ đó.

**4. Cái gì cao hơn mấy cái cây?**

A: Cái đó cao thật đấy.

B: Tòa nhà đó à? Không đâu, cây còn cao hơn tòa nhà nữa.

A: Không, ý tôi là ngọn núi kia.

B: À đúng rồi. Ngọn núi cao hơn mấy cái cây nhiều!

**5. Cậu bé đang nhìn bức tranh nào?**

A: Tôi thích quyển sách này. Trong bức tranh đó là gì vậy? Là đại dương à?

B: Không phải đâu. Đó là một cái hồ rất rộng.

A: À, đúng rồi. Tôi thấy rồi.

**Lời giải chi tiết:**

1.

**Giải thích:**

What is the cave next to?

(Hang động nằm bên cạnh cái gì?)

**Thông tin:**

A: No. It's next to the waterfall.

*(Không. Nó ở cạnh thác nước.)*

**Đáp án: C**

2.

**Giải thích:**

What is on the island?

*(Có những gì trên đảo vậy?)*

**Thông tin:**

A: No, it's not a waterfall. It's a jungle. Look at the trees.

*(Không, không phải thác nước đâu. Đó là một khu rừng. Nhìn mấy cái cây kia.)*

**Đáp án: A**

3.

**Giải thích:**

Where does the waterfall go?

*(Thác nước này sẽ chảy đến đâu?)*

**Thông tin:**

B: No, look, it goes into that small lake.

*(Không, nhìn kia, nó chảy vào cái hồ nhỏ đó.)*

**Đáp án: B**

4.

**Giải thích:**

What is higher than the trees?

*(Cái gì cao hơn những cái cây?)*

**Thông tin:**

B: Oh, yes. The mountain is much taller than the trees!

*(À đúng rồi. Ngọn núi cao hơn mấy cái cây nhiều!)*

**Đáp án: A**

5.

**Giải thích:**

What picture is the boy looking at?

(Cậu bé đang nhìn vào cái gì?)

**Thông tin:**

B: No, it isn't. It's a very wide lake.

(Không phải đâu. Đó là một cái hồ rất rộng.)

**Đáp án:** A

**II. Choose the correct answer.**

**Phương pháp giải:**

Nhìn nhận câu và vị trí của chỗ trống, nhận định về thì, loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi,...). Áp dụng công thức của từng loại câu để xác định cần điền gì vào chỗ trống, sao cho đúng ngữ pháp và hợp lý về mặt ngữ nghĩa.

**Lời giải chi tiết:**

1.

Cấu trúc câu hỏi dạng so sánh hơn với tính từ ngắn:

To be + chủ ngữ + tính từ ngắn dạng so sánh hơn + than + tân ngữ?

Is red car cheaper **than** black car?

(Chiếc xe ô tô màu đỏ rẻ hơn chiếc màu đen đúng không?)

**Đáp án:** B

2.

A. loudly (adv): (âm thanh) to, lớn

B. loud (adj): (âm thanh) to, lớn

C. louding: từ sai

Ta cần một trạng từ bổ nghĩa cho động từ "shout".

Don't shout **loudly**. The baby is sleeping.

(Đừng có la lớn. Em bé đang ngủ đấy.)

**Đáp án:** A

3.

Cấu trúc câu phủ định ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Chủ ngữ + didn't + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

She didn't **go** to the museum last week.

(Tuần trước cô ấy đã không đi đến viện bảo tàng.)

**Đáp án:** B

4.

must + động từ nguyên mẫu: phải làm gì

You must **do** your homework before going to the class.

(Em phải làm bài tập về nhà trước khi đến lớp.)

Đáp án: C

5.

A. well (adv): giỏi, hay, tốt

B. good (adj): giỏi, hay, tốt

C. goodly: từ sai

Ta cần một trạng từ bổ nghĩa cho động từ “plays”.

My brother plays basketball very **well**.

(Anh trai tôi chơi bóng rổ rất giỏi.)

Đáp án: A

### III. Read and decide each sentence below is True or False.

#### Phương pháp giải:

- Đọc các câu hỏi, gạch chân dưới những từ khoá.
- Đọc, tìm thông tin tương ứng với những từ khoá trên.
- Xác định Đúng/Sai cho từng câu.

#### Tạm dịch bài đọc:

Thứ Sáu tuần trước, Tom và cả lớp đã đến thăm bảo tàng khủng long. Cậu ấy rất háo hức khi được nhìn thấy những bộ xương khủng long khổng lồ và đọc về chúng trong một cuốn sách. Khi Tom đang xem tranh, bỗng nhiên một âm thanh lớn phát ra từ mô hình khủng long. Emma, bạn của cậu ấy, hoảng sợ và bị tai nạn. Lúc đó, một nhà khoa học đang giải thích về bộ xương khổng lồ của T-Rex, nhưng tất cả mọi người đều bị âm thanh làm cho bất ngờ. Đó là một chuyến đi vừa thú vị vừa đáng sợ đối với các bạn học sinh, Tom nghĩ.

#### Lời giải chi tiết:

1.

Tom was alone at the museum.

(Tom đã ở bảo tàng một mình.)

**Thông tin:** Last Friday, Tom and his class went to the dinosaur museum.

(Thứ Sáu tuần trước, Tom và cả lớp đã đến thăm bảo tàng khủng long.)

**Đáp án:** False

2.

Tom likes reading about dinosaur in a book.

*(Tom thích đọc sách về khủng long.)*

**Thông tin:** He was very excited to see the big dinosaur skeletons and read about them in a book.

*(Câu ấy rất hào hứng khi được nhìn thấy những bộ xương khủng long khổng lồ và đọc về chúng trong một cuốn sách.)*

**Đáp án:** True

3.

Emma covered her eyes because she was scared.

*(Emma che mắt lại vì cô ấy sợ.)*

**Thông tin:** Emma, his friend, got scared and covered her ears.

*(Emma, bạn của cậu ấy, hoảng sợ và bịt tai lại.)*

**Đáp án:** False

4.

Everyone was surprise because of the sound.

*(Mọi người đã rất bất ngờ vì tiếng động.)*

**Thông tin:** A scientist was explaining something about a giant T-Rex skeleton, but everyone was surprised by the sound.

*(Lúc đó, một nhà khoa học đang giải thích về bộ xương khổng lồ của T-Rex, nhưng tất cả mọi người đều bị âm thanh làm cho bất ngờ.)*

**Đáp án:** True

5.

Tom thinks that the trip is fun and scary.

*(Tom nghĩ rằng chuyến đi vừa vui vừa đáng sợ.)*

**Thông tin:** It was a fun but scary trip for the students, Tom thinks.

*(Đó là một chuyến đi vừa thú vị vừa đáng sợ đối với các bạn học sinh, Tom nghĩ.)*

**Đáp án:** True

#### IV. Rearrange the words to make correct sentences.

**Phương pháp giải:**

- Nhận định từ từ/cụm từ được đề bài cung cấp sẵn, xem chức năng và vị trí thông thường của chúng trong câu.

- Xác định loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi...)

- Áp dụng các cấu trúc câu, sắp xếp các từ đã cho theo một trình tự phù hợp để tạo nên những câu đúng.

### Lời giải chi tiết:

1. your / the / Put / garbage / litter / in / can / .

**Giải thích:** Cấu trúc câu yêu cầu, đề nghị:

Động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

**Đáp án:** Put your litter in the garbage can.

(Hãy vứt rác vào thùng rác nhé.)

2. at / 10 a.m. / We / the / arrived / museum / at / .

**Giải thích:** Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ + động từ ở thì quá khứ đơn + tân ngữ.

**Đáp án:** We arrived at the museum at 10 a.m.

(Chúng tôi đã đến bảo tàng lúc 10 giờ sáng.)

3. did / last / What / do / Sunday / Giselle / ?

**Giải thích:** Cấu trúc câu hỏi Wh ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Wh + did + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

**Đáp án:** What did Giselle do last Sunday?

(Giselle đã làm gì vào Chủ nhật tuần trước?)

4. than / an / Is / ocean / lake / deeper / a / ?

**Giải thích:** Cấu trúc câu hỏi dạng so sánh hơn với tính từ ngắn:

To be + chủ ngữ + tính từ ngắn dạng so sánh hơn + than + tân ngữ?

**Đáp án:** Is an ocean deeper than a lake?

(Đại dương có sâu hơn hồ không?)

5. is / A / a / cat / than / mouse / faster / .

**Giải thích:** Cấu trúc câu so sánh hơn với tính từ ngắn:

Chủ ngữ + to be + tính từ ngắn dạng so sánh hơn + than + tân ngữ.

**Đáp án:** A cat is faster than a mouse.

(Một con mèo nhanh hơn một con chuột.)

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiho

Loigiaihay.com

hay.